

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÀO CAI

GIÁO TRÌNH NỘI BỘ
MÚA DÂN GIAN DÂN TỘC VIỆT NAM 2
NGÀNH: NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN MÚA DÂN GIAN DÂN TỘC
(Dành cho Nam)

Lưu hành nội bộ
Năm 2019

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Nước Việt Nam với 54 Dân tộc anh em đã tạo nên một nền Nghệ thuật múa dân gian phong phú, nhiều màu sắc. Để đưa nội dung đó vào việc đào tạo, giảng dạy trong nhà trường thì việc xây dựng giáo trình bộ môn múa này cần được bổ sung và hoàn chỉnh dần.

Do hoàn cảnh địa lý và đặc điểm riêng biệt của từng vùng nên trong giáo trình này sẽ hệ thống lại những động tác cơ bản của một số dân tộc đặc trưng, tiêu biểu như: Dân tộc Kinh, Dân tộc Tày, Dân tộc Thái, Dân tộc Khơ Mú, Dân tộc Lô Lô, Dân tộc Cao Lan, Dân tộc H'Mông, Dân tộc Dao, Dân tộc Khơ Me, Khu vực Tây Nguyên-Trường Sơn: Xơ Đăng, Cor, Gia Rai, Ba Na, Chăm H'Roi.

Múa Dân gian dân tộc Việt Nam giúp cho các em học sinh nắm vững được phong cách, đặc điểm của từng dân tộc qua đó vận dụng một cách nhuần nhuyễn vào các bài tập và thích ứng được với các tiết mục múa Dân gian truyền thống và hiện đại cụ thể: Nắm vững luật động, phong cách, đặc điểm Múa các Dân tộc của toàn bộ hệ thống các động tác cơ bản. Thể hiện trong những động tác múa sự điều luyện, nhuần nhuyễn, biểu cảm, tính thẩm mỹ, sự cảm thụ với âm nhạc (nhảy bên với các loại tiết tấu, có sắc thái rõ rệt)

Với mong muốn giáo trình là tài liệu học tập, giảng dạy thiết thực cho thầy và trò, tôi đã cố gắng chắt lọc các nội dung cốt lõi, thiết thực. Tuy nhiên do tài liệu tham khảo còn thiếu nên giáo trình còn nhiều khiếm khuyết. Trong quá trình sử dụng rất mong các chuyên gia, giảng viên, học sinh có đóng góp ý kiến để giáo trình hoàn thiện hơn.

Lào Cai, năm 2019

Người biên soạn

Nguyễn Văn Mạnh

MỤC LỤC

Contents

BÀI 1. MÚA CƠ BẢN DÂN TỘC KINH (PHẦN 2)	7
A. PHẦN TAY KHÔNG	7
1. GÀ RỪNG MỀM	7
2. DẬM A, B	8
2.1. DẬM A	8
2.2. DẬM B	8
3. SOI ĐÈN A, B, C	8
3.1. SOI ĐÈN A	8
3.2. SOI ĐÈN B	9
3.3. SOI ĐÈN C	9
4. CÂU CÁ	9
5. BẮN CUNG	10
B. PHẦN MỘT QUẠT	10
1. GUỘN QUẠT A, B	10
1.1. GUỘN QUẠT A	10
1.2. GUỘN QUẠT B	10
2. GUỘN VUỐT QUẠT	11
3. XOAY QUẠT 4 HƯỚNG	11
4. ĐỀ THƠ	11
BÀI 2. MÚA CƠ BẢN DÂN TỘC TÀY (PHẦN 2)	12
A. PHẦN QUẠT	12
1. XOỆT QUẠT A, B	12
1.1. XOỆT QUẠT A	12
1.2. XOỆT QUẠT B	13
2. BẬT QUẠT	13
3. VỜN QUẠT	14
4. CHÀU LIẾP	14
B. PHẦN ĐÀN TÍNH	15
1. ĐU ĐÀN	15
2. DÂNG ĐÀN	15
3. CHÀO ĐÀN	15
4. BÁI THÁNH	15
5. ĐÀN BƯỚM	16
6. ĐÀN THEN	16

BÀI 3. MÚA CƠ BẢN DÂN TỘC THÁI (PHẦN 1)	17
A. PHẦN ĐÀN TÍNH	18
1. PHONG THỔ A, B	18
1.1. PHONG THỔ A (đếm theo phách)	18
1.2. PHONG THỔ B	18
2. NHÚN MUỜNG LAY A, B	18
2.1. NHÚN MUỜNG LAY A	18
2.2. NHÚN MUỜNG LAY B	18
BÀI 4. CÁC ĐỘNG CƠ BẢN DÂN TỘC H'MÔNG (PHẦN 2)	19
A. PHẦN KHÈN	20
1. DỆT VẢI	20
2. GIẶT QUẦN ÁO	20
3. BƯỚC TRƯỜN	20
4. BƯỚC LƯỢN	20
5. NGOÁY CHÂN	21
6. ĐẬP CHÂN ĐI NGANG	21
BÀI 5. CÁC ĐỘNG CƠ BẢN DÂN TỘC KHƠ MÚ	21
1. LÊN CẦU THANG	22
2. NÉM TRANH	22
3. ĐÁNH NÉO	23
4. CHẼ LẠT	23
5. NỆN ĐẤT	24
6. ĐO ĐẤT A, B	24
6.1. ĐO ĐẤT A	24
6.2. ĐO ĐẤT B	24
7. CƯỜI	25

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Múa Dân gian dân tộc Việt Nam 2

Mã môn học: MHT11.2

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học

Vị trí: Múa dân gian dân tộc Việt Nam 2 là học phần thứ hai trong khối các học phần kiến thức múa của chương trình Múa dân gian dân tộc Việt Nam .

Tính chất: Là một trong những môn chuyên ngành đào tạo diễn viên hệ 3 năm.

Mục tiêu môn học

Về kiến thức: Học sinh nắm được các động tác cơ bản nhất nhằm chuẩn bị tốt các tư thế dáng – thân – người, giải phóng từng bộ phận cơ thể. Rèn độ mềm dẻo của đầu gối, cổ chân, ngón tay, cánh tay, các bước đi cơ bản.

Về kỹ năng: Học sinh kết hợp toàn thân một cách hài hòa với các luật động một số dân tộc sau: Dân tộc Kinh, Dân tộc Tày, Dân tộc Thái, Dân tộc H'Mông, Dân tộc Khơ Mú

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên phân biệt được tính chất, phong cách của từng dân tộc đồng thời có thái độ tôn trọng và lòng yêu nghề.

NỘI DUNG CHI TIẾT CỦA GIÁO TRÌNH

Bài 1. MÚA CƠ BẢN DÂN TỘC KINH (PHẦN 2)

Mục tiêu

Về kiến thức: Học sinh hiểu được quy cách, trình tự thực hiện luật động của các động tác cơ bản Dân tộc Kinh. Học sinh nắm được các động tác cơ bản nhất nhằm chuẩn bị tốt cho các tư thế dáng – thân – người, giải phóng từng bộ phận cơ thể. Rèn độ mềm dẻo của đầu gối, cổ chân, ngón tay, cánh tay, các bước đi cơ bản.

Về kỹ năng: Học sinh kết hợp toàn thân một cách hài hòa với các luật động dân tộc Dân tộc Kinh

Nội dung chính

A. PHẦN TAY KHÔNG

1. GÀ RỪNG MỀM

Chuẩn bị: Tay phải ngửa H2 cao hơn vai, tay trái ngửa H7 thấp hơn vai, khuỷu tay tròn thân trên nghiêng bên phải, nhìn H8

- 1,2: Chân trái, chân phải đi thế 2A lên H2, hai tay guồn ngón 2 lần, thân trên, hướng nhìn như trên.
- Tà: Chân trái đi tiếp 2 bước nhỏ, guồn ngón 1 lần, thân trên, nhìn hướng như trên
- 3: Chân phải nhún, chân trái co lên đặt bàn chân cạnh bắp chân phải, gối khép, hai tay vuốt sấp xuống bắt chéo hai cổ tay trước đùi trái, đầu hơi cúi, nhìn cổ tay
- Tà 4: Chân phải kiễng rồi nhún vào nhịp 4, hai tay sấp vuốt lên cao hơn vị trí chuẩn bị, hai cổ tay dựng, thân trên hơi ngửa, mắt nhìn tay phải (tay phải cao trước trán, lòng bàn tay ngửa, tay trái cao ngang thắt lưng trái)
- 5,6: Chân trái rồi chân phải lùi thế 2A về H6, guồn ngón 2 lần, thân trên nghiêng bên phải, nhìn H8
- Tà: Chân trái lùi tiếp, guồn tiếp, thân trên như trên
- 7: Chân trái nhún, chân phải lùi xệt về H6, đặt cách chân trái 2 bước chân, gót nhắc, gối khép, trọng tâm ở chân trái, hai tay sấp vuốt xuống (như 3) ở trước bụng, cúi nhìn tay
- Tà: Chân trái lên thẳng, hai tay sấp vuốt lên như Tà (trước 4) nhưng thấp hơn, thân trên nghiêng bên phải, mắt nhìn H8
- 8: Chân trái nhún, hai bàn tay dựng, dáng người như Tà, tay phải cao ngang ngực

2. DẠM A, B

2.1. DẠM A

Chuẩn bị: Hai tay sắp và gập cổ tay để trước ngực, bàn tay trái đặt sát mỏ ác, bàn tay phải ở ngoài bàn tay trái, hai khuỷu hơi nâng, thân trên nghiêng bên trái

- 1: Tay phải vừa chuyển thành ngửa vừa đưa ra H2 cao ngang mặt, khuỷu tay hơi cong, ngón giữa gập vào, ngón cái đặt cạnh đầu ngón giữa, các ngón khác căng ra, sau đó ngón cái miết để ngón giữa dần thẳng ra
- 2: Lật sắp bàn tay phải, ngón trỏ đè lên ngón áp út, cả hai ngón ở dưới ngón giữa, ngón giữa và út cong lên, ngón cái gập vào. Chân đi thế 2A tiến hoặc lùi, nhịp điệu theo tay, thân trên luôn nghiêng bên trái. Trong lúc lật sắp, lật ngửa bàn tay thì cổ tay và cánh tay đập dính theo

2.2. DẠM B

Phần tay:

- 1: Hai tay sắp đưa lên trước ngực rồi ngửa ra vùng lên thế 2 thấp (ngang vai), bàn tay như 1 của A
- 2: Hai tay làm như 2 của A
- 3: Hai tay làm như 1
- 4: Hai tay chuyển thành sắp ở ngang vai, khuỷu thẳng, hai cổ tay gập mạnh xuống, chân thu về thế 1

Phần chân:

- 1,2,3,4: Chân đi quả trám bắt đầu bằng chân phải, thân trên như đi quả trám
- 5: Chân phải đặt H3, tay phải vào trước mỏ ác như A, tay trái gập cổ tay đưa lên trên đầu, thân trên nghiêng bên phải
- 6: Chân trái vắt qua chân phải và quay mũi gót về H1, tay trái vuốt lượn 1 vòng tròn trên đầu
- 7: Nhún thế 1, hai tay đưa ra thế 2 thấp, các ngón thả ra, thân trên thẳng
- 8: Nhún thế 1, hai tay lật sắp và hạ xuống trước đùi (để chuẩn bị vùng tay như 1, làm lại từ đầu)

3. SOI ĐÈN A, B, C

3.1. SOI ĐÈN A

- Tà 1,2: Chân phải phẩy nhẹ về phía sau lấy đà rồi chân phải, chân trái lên H2, chân trái bước rộng hơn rồi nhún xuống, trọng tâm chân trái, chân phải sau nhắc gót, tay trái úp vào bên bụng trái, tay phải sắp từ trước vai trái vừa vuốt miết xuống vừa đưa ra H2, nhìn tay phải
- Tà 3: Hạ gót chân phải, chân trái lùi về vị trí ban đầu, gối chùng, chân phải trượt theo về thế 6, thân trên ngửa dần, chân trụ thẳng gối và xoay về

H8, tay phải vuốt ngược lại về trước bụng rồi nâng lên chân trước, khung tay tròn, bàn tay thấp

Tà 4: Hai chân nhún xoáy đầu gối từ H8 sang H1. Người và mặt xoay theo gối về H2, bàn tay nhấn võng một cái, thân trên nghiêng bên trái, mắt nhìn dưới khuỷu tay phải H3

3.2. SOI ĐÈN B

- 1: Hai chân kiễng gót, chân phải bước sang H3 rồi nhún, chân trái nhắc gót, người ở H3
- 2: Vẫn kiễng chân, chân trái bước tiếp và nhún, người ở H5
- 3: Vẫn kiễng chân, chân phải lùi và nhún, người ở H8 (3 bước này giống quay ngang di động có kiễng gót). Hai bàn tay sắp ở ngang hai vai, khuỷu tay tròn, vẩy 3 lần đập dình theo chân (làm nhẹ hơn chim bay), thân trên nghiêng theo chân bước. Cuối nhịp 3 tay trái thu về úp trước bụng trái, tay phải về sườn trái rồi đưa lên trước trán
- 4: Như soi đèn A

3.3. SOI ĐÈN C

- 1,2,3: Giống soi đèn B
- Tà 4: Chân phải kéo về đặt so le với chân trái đồng thời ngồi xuống trên gót chân trái kiễng, hai gối khép, thân trên, hướng nhìn như B

4. CÂU CÁ

- 1, 2: Chân và tay giống soi đèn B
- Tà: Người xoay tiếp về H1, chân trái gối chùng, chân phải bước sang H3, tay phải ngửa, từ trước bụng đưa sang trước hông trái, tay trái ngửa đặt dưới cổ tay phải, thân trên nghiêng bên phải
- 3: Chân trái vất qua chân phải về H5 rồi quay mũi gót về H1, người nghiêng bên phải, tay phải vòng mở sang trước hông phải, tay trái vuốt lên dưới khuỷu tay phải (xấn tay áo)
- Tà: Người H1, chân phải về thế 6, gối vẫn chùng, thân trên thẳng, tay trái úp vào bụng như soi đèn, tay phải ngửa hạ xuống đưa qua cạnh hông phải về đằng sau, đưa tiếp lên cao, chuyển dần bàn tay thành sắp rồi đưa tiếp về trước trán (bên phải)
- 4: Chân trái thẳng, tay phải (ngón tay cái đè lên ngón út và áp út) nhấn cổ tay và cánh tay xuống rồi nhắc lên, cổ tay gập (giật và nhắc cân câu), thân trên nghiêng bên trái, nhìn H2 dưới khung tay phải

5. BẮN CUNG

Chuẩn bị: Hai tay thành khung tròn sắp trước mặt, hai bàn tay cạnh nhau, bàn tay nắm, khuỷu tay nâng

- 1: Chân trái bước lên và nhún ở H2 cách chân phải khoảng hai bàn chân, chân phải nhắc gót, hai tay gấp cổ tay rồi vừa nhấn cổ tay vừa kéo tay ra, tay phải kéo nhiều hơn ra H2, tay trái kéo ít hơn về H6, thân trên hơi cúi và nghiêng về H2 (nên tay phải thấp hơn tay trái), hai khuỷu tay vẫn nâng và sắp
- 2: Hạ gót chân phải, trọng tâm ở giữa, thân trên hơi ngửa và nghiêng về H6 (nên tay phải cao hơn tay trái), hai cổ tay nhấn xuống để bật mạnh nắm tay
- 3: Chân trái bước lùi về H6, đặt cách chân phải hai bàn chân, bật nắm tay
- 4,5,6,7: Chân trái trùng gót, chân phải nhắc gót (thế 3 rộng), ngực H8, thân trên nghiêng về H6, nhìn lên cao H4, bật nắm tay 4 lần
- 8: Chuyển trọng tâm lên chân phải, hạ gót chân phải, thân trên không nghiêng, hai tay vừa nhấn cổ tay vừa thu vào trước ngực như chuẩn bị

B. PHÂN MỘT QUẠT

1. GUỘN QUẠT A, B

1.1. GUỘN QUẠT A

Cầm quạt mở, nhà quạt ở giữa lòng bàn tay, ngón cái ở một bên quạt, các ngón còn lại ở phía bên kia, ngón cái và ngón trỏ cầm nan ngoài cùng, ngón giữa đặt ở nhai quạt, hai ngón còn lại đặt ở các nan trong cùng

Tay phải sắp cầm quạt ở thế 2, cung quạt quay xuống sà, nan ngoài cùng phía trên thẳng với cánh tay. Tay trái chống nạnh. Phách nhẹ thì chân nhún, tay guộn quạt vào phía người. Phách mạnh thì chân thẳng lên, tay guộn tiếp ra phía ngoài và hơi hất quạt lên vị trí chuẩn bị

Sử dụng động tác “guộn cổ tay” để guộn quạt, nhưng không guộn triệt để, nên quạt chỉ hoạt động ở phía trong cánh tay. Chân thế 6 hoặc đi thế 2 tiến, lùi

1.2. GUỘN QUẠT B

Cũng sử dụng động tác “guộn cổ tay” nhưng làm triệt để, tận dụng hết độ dẻo của cổ tay nên quạt hoạt động cả phía ngoài cánh tay. Khi cuộn ra phía ngoài thì ngón cái và ngón trỏ (cầm liền ngoài cùng) kết hợp với cổ tay hất mạnh lên để quạt xoay tròn trên bàn tay ngửa (mặt quạt nằm ngang), ba ngón còn lại rời khỏi quạt. Phách nhẹ thì chân lên thẳng, tay hất quạt lên, phách mạnh thì nhún xuống, tay guộn quạt vào phía người, mặt quạt nằm ngang. Có thể guộn quạt A và B bằng tay trái chân thế 6 hoặc thế 2 tiến lùi.